TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 359/2018/DS-ST
Ngày 22-8-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Viên.

Ông Mai Công Tài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Diệp Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 733/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 278/2018/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 270/2018/QĐST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; địa chỉ trụ sở chính: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Trường T, sinh năm: 1994; là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Giấy uỷ quyền số: 075/2018/UQ-TTT ngày 02/01/2018). (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn*: Bà Bùi Mỹ N; sinh năm: 1989; địa chỉ: Đường D (số mới: Đường E), Phường G, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2017 và trong quá trình tố tụng, ông Phạm Trường T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần S trình bày như sau:

Vào ngày 19/10/2011, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bà Bùi Mỹ N có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bảng Điều khoản và

điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng). Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa Credit Classic 472074-3795 với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng. Ngày 29/6/2012, bà N đăng ký thêm thẻ tín dụng Family Local Credit 970403-7918 với hạn mức sử dụng chung là 10.000.000 đồng, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà N đã thanh toán tổng số tiền là 37.975.299 đồng (trong đó thẻ Visa Credit Classic 472074-3795 là 18.209.299 đồng và thẻ Family Local Credit 970403-7918 là 19.766.000 đồng). Qua nhiều lần nhắc nhở, bà N không có thiện chí thanh toán, ngày 26/8/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu bà Bùi Mỹ N phải có nghĩa vụ thanh toán một lần tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 22/8/2018 là 15.289.585 (Mười lăm triệu hai trăm tám mươi chín ngàn năm trăm tám mươi lăm) đồng (trong đó nợ gốc là 8.327.833 đồng, nợ lãi quá hạn là 6.961.752 đồng), cụ thể: Thẻ Visa Credit Classic 472074-3795 là 8.491.496 đồng (gốc là 4.766.348 đồng, lãi quá hạn là 3.725.148 đồng), thẻ Family Local Credit 970403-7918 là 6.798.089 đồng (gốc là 3.561.485 đồng, lãi quá hạn là 3.236.604 đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Và bà N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 23/8/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn là bà Bùi Mỹ N vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Phạm Trường T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn là bà Bùi Mỹ N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa nhưng bà N vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn được thực hiện đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, có cơ sở xác định đây là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng. Do bị đơn có đăng ký thường trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, ông Phạm Trường T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là bà Bùi Mỹ N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Trường T và bà Bùi Mỹ N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

- Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bảng Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 19/10/2011 và ngày 29/6/2012 thì giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập và thực hiện trước ngày Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực, căn cứ Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết.

- Xét Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bà Bùi Mỹ N có ký kết hai hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 19/10/2011 và ngày 29/6/2012. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Bùi Mỹ N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, việc tính lãi và lãi quá hạn theo đúng thỏa thuận của các bên. Do đó, căn cứ Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Bùi Mỹ N phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi của 02 Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 19/10/2011 và ngày 29/6/2012 nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cụ thể buộc bà Bùi Mỹ N phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền là 15.289.585 (Mười lăm triệu hai trăm tám mươi chín ngàn năm trăm tám mươi lăm) đồng (trong đó nợ gốc là 8.327.833 đồng, nợ lãi quá hạn là 6.961.752 đồng).

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 07/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì tiền lãi sẽ được tiếp tục tính trên số dư nợ gốc thực nợ kể từ ngày 23/8/2018 trở đi, theo mức lãi suất quá hạn được quy định tại 02 Hợp đồng tín

dụng ngày 19/10/2011 và ngày 29/6/2012 mà hai bên đã ký kết cho đến khi bà Bùi Mỹ Nhi trả hết nợ gốc.

- Về phương thức và thời hạn thanh toán: Xét bà Bùi Mỹ N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo như thỏa thuận đã ký kết giữa các bên. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán một lần toàn bộ số tiền nợ nêu trên ngay khi bản án của Toà án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Bùi Mỹ N phải chịu 764.479 (Bảy trăm sáu mươi bốn ngàn bốn trăm bảy mươi chín) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 07/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S:

Buộc bị đơn bà Bùi Mỹ N phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 22/8/2018 là 15.289.585 (Mười lăm triệu hai trăm tám mươi chín ngàn năm trăm tám mươi lăm) đồng (trong đó nợ gốc là 8.327.833 đồng, nợ lãi quá hạn là 6.961.752 đồng) phát sinh từ hai hợp đồng thẻ tín dụng số 472074-3795 ngày 19/10/2011 và hợp đồng thẻ tín dụng số 970403-7918 ngày 29/6/2012.

Phương thức và thời hạn thanh toán: Một lần ngay khi bản án của Toà án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa

thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Bà Bùi Mỹ N phải chịu 764.479 (Bảy trăm sáu mươi bốn ngàn bốn trăm bảy mươi chín) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 307.786 (Ba trăm lẻ bảy ngàn bảy trăm tám mươi sáu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2017/0028200 ngày 18/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tuyết Mai